

Số: 273/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 11 năm 2017

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện khoán bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn 6 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG ĐÀO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....11022..... Ngày: 30/11/17..... Chuyển:.....Thực

Thực hiện Công văn số 242/HĐND-VP ngày 18/7/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về việc giải quyết kiến nghị sau giám sát, khảo sát của Thường trực và các Ban HĐND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện khoán bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn 6 huyện miền núi của tỉnh theo Báo cáo số 201/BC-HĐND ngày 08/12/2016 và Báo cáo số 193/BC-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh như sau:

#### I. Kết quả thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng tại 06 huyện miền núi

##### 1. Công tác khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng

Năm 2017, trên địa bàn các huyện miền núi hầu hết diện tích rừng phòng hộ đều được hỗ trợ kinh phí khoán bảo vệ rừng, với tổng diện tích ước đạt 64.653,53ha/91.723,29ha, đạt 70,49% so với kế hoạch, trong đó:

##### a) Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững (ngân sách Trung ương)

Đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng, bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ. Năm 2017, diện tích bố trí kinh phí khoán quản lý bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng thực hiện trên địa bàn 06 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi là 34.677,92 ha, cụ thể:

a1) Đối với nguồn vốn năm 2016 chuyển sang thực hiện năm 2017: UBND tỉnh phân khai tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 16/02/2017:

- Thực hiện phân khai kinh phí cho các Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa 05 huyện: Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây và Tây Trà (Ban Quản lý rừng phòng hộ: Khu Đông Ba Tơ; Khu Tây Ba Tơ; huyện Trà Bồng, huyện Sơn Tây, huyện Tây Trà và Đầu nguồn Thạch Nham).

- Hiện nay, các Ban Quản lý rừng phòng hộ đã tổ chức bàn giao thực địa cho các hộ nhận khoán và đồng thời ký kết hợp đồng với hộ nhận gia đình, cá nhân tham gia nhận khoán.

- Diện tích ước thực hiện giao khoán là 11.834,86 ha/12.243 ha, đạt 96,67% so với kế hoạch.

a2) Đối với nguồn vốn được giao tại Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

Tổng diện tích dự kiến phân khai tại 06 huyện miền núi của tỉnh là

22.435 ha; gồm có:

- Các Ban quản lý rừng phòng hộ: 5.369 ha
- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư: 11.811,58 ha;
- UBND các xã: 5.254,34 ha.

a3) Nguồn vốn: Thực hiện 5.197,77 triệu đồng/5.372,45 triệu đồng, đạt 96,75 % so với kế hoạch. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương giao: Ước thực hiện 5.065,32 triệu đồng/14.842,15 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh giao: Ước thực hiện 132,45 triệu đồng/132,45 triệu đồng

**b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017 (ngân sách Trung ương)**

- Đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.

- Năm 2017, diện tích khoán quản lý bảo vệ rừng, thực hiện trên địa bàn 06 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi là 39.222,3 ha/42.383,37 ha, đạt 92,54% so với kế hoạch; cụ thể như sau:

+ Các Ban quản lý rừng phòng hộ: ước thực hiện 38.104,38 ha/ 38.626,79 ha, đạt 98,65% so với kế hoạch.

+ UBND các xã: ước thực hiện 1.117,92 ha/ 3.756,58 ha, đạt 29,76% so với kế hoạch.

- Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương bố trí, ước thực hiện 15.241,75 triệu đồng/15.453 triệu đồng, đạt 98,63% so với kế hoạch.

**c) Chương trình bảo vệ và phát triển rừng (ngân sách tỉnh)**

- Đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng là các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sống gần rừng. Hiện nay, các Ban Quản lý rừng phòng hộ đã tổ chức bàn giao thực địa cho các hộ nhận khoán và đồng thời ký kết hợp đồng với hộ nhận gia đình, cá nhân tham gia nhận khoán.

- Năm 2017, diện tích khoán quản lý bảo vệ rừng, thực hiện trên địa bàn 06 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi là 13.596,37 ha/14.662 ha, đạt 92,73% so với kế hoạch.

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh bố trí, ước thực hiện 4.364,43 triệu đồng/4.706,5 triệu đồng, đạt 92,73% so với kế hoạch.

**2. Công tác khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung cây lâm nghiệp**

- Năm 2017, diện tích được phân khai kế hoạch thực hiện hạng mục lâm sinh khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung cây lâm nghiệp là 1.017,51 ha.

- Tuy nhiên, dự báo công tác triển khai trồng bổ sung sẽ không hoàn

thành trong năm 2017 vì không đảm bảo về thời gian thi công (mùa vụ trồng rừng trên địa bàn tỉnh), nguồn vốn Trung ương phân bổ chậm. UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện năm 2018. Trong đó, diện tích phân khai theo từng chương trình cụ thể như sau:

- Chương trình lâm nghiệp bền vững (ngân sách Trung ương):

+ Nguồn vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017: Diện tích phê duyệt thuyết minh thiết kế 546,49 ha/578,3 ha, ước đạt 94,5% so với kế hoạch.

+ Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Dự kiến phân khai kế hoạch 369,21 ha.

- Chương trình bảo vệ và phát triển rừng (ngân sách tỉnh): Diện tích phê duyệt thuyết minh thiết kế 70 ha/70 ha, ước đạt 100% so với kế hoạch.

- Nguồn vốn: Thực hiện thiết kế 1.610,27 triệu đồng/2.325,39 triệu đồng, đạt 69,25 %so với kế hoạch; trong đó:

+ Ngân sách Trung ương giao: Ước thực hiện 935,59 triệu đồng/1.622,08 triệu đồng;

+ Ngân sách tỉnh giao: Ước thực hiện 674,68 triệu đồng/703,31 triệu đồng

**3. Đối với công tác trồng rừng và chăm sóc rừng phòng hộ (Chương trình bảo vệ và phát triển rừng - ngân sách tỉnh)**

**a) Trồng rừng**

Năm 2017, diện tích ước thực hiện trồng rừng là 58,11 ha/90,2 ha, đạt 64,42% so với kế hoạch. Loài cây lựa chọn trồng rừng là cây Lim xanh.

Hiện nay, các Ban Quản lý rừng phòng hộ đã chuẩn bị xong hiện trường trồng rừng và đang tổ chức thực hiện trồng rừng theo thuyết minh thiết kế được phê duyệt và các quy định hiện hành liên quan quy định, dự kiến nghiệm thu trồng rừng trong tháng 12/2017.

**b) Chăm sóc rừng trồng**

Các Ban Quản lý rừng phòng hộ đã tổ chức thực hiện chăm sóc rừng trồng với tổng diện tích ước đạt 156,09 ha/156,1 ha, đạt 99,99% so với kế hoạch.

**c) Nguồn vốn:**

Ước thực hiện 1.899,52 triệu đồng/2.456,97 triệu đồng, đạt 77,3% so với kế hoạch.

*(Chi tiết khối lượng và nguồn vốn các hạng mục lâm sinh thực hiện trên địa bàn 06 huyện miền núi có Phụ lục kèm theo)*

**II. Kết quả thực hiện Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ**

- UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 về việc chuyển các Ban Quản lý rừng phòng hộ do UBND huyện các quản lý về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý. Đến nay, các

Ban Quản lý rừng phòng hộ đã thực hiện xong công tác chuyển đổi, bàn giao và đã ổn định tổ chức đi vào hoạt động.

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu xây dựng đề án tổng thể quản lý về phát triển rừng trên địa bàn, trình UBND tỉnh trong Quý II/2018 để triển khai thực hiện.

### **III. Kết quả thực hiện Quyết định số 49/2016/QĐ-TTg ngày 01/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ**

- UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Công văn số 165/UBND-NNTN ngày 11/01/2017 về việc thực hiện Quy chế quản lý rừng sản xuất, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện Quy chế quản lý rừng sản xuất.

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đôn đốc UBND các huyện khẩn trương xây dựng trình phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp huyện.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban dân tộc, Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thanh tra tỉnh;
- UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Tây Trà;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak1162.



**Trần Ngọc Căng**

Phụ lục 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NGUỒN VỐN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG  
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo sơ kết UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Hạng mục	Kết quả thực hiện chia theo huyện						
		Ba Tư	Sơn Hà	Trà Bồng	Minh Long	Sơn Tây	Tây Trà	
	Khoản bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng							
*	<b>Tổng cộng</b>							
-	<b>Kế hoạch</b>	36.636,73	11.464,36	8.083,17	6.636,46	3.040,84	4.755,69	2.656,21
+	Ngân sách trung ương	31.797,78	10.164,90	7.619,97	5.716,80	2.187,30	4.212,74	1.896,08
+	Ngân sách tỉnh	4.838,95	1.299,46	463,20	919,67	853,54	542,95	760,13
-	<b>Ước thực hiện</b>	25.251,12	4.862,36	7.840,08	2.961,86	3.184,29	3.989,53	2.413,01
+	Ngân sách trung ương	20.754,24	3.641,81	7.446,21	2.042,19	2.383,84	3.512,10	1.728,10
+	Ngân sách tỉnh	4.496,88	1.220,56	393,87	919,67	800,46	477,43	684,91
-	<b>So với Kế hoạch (%)</b>	68,92	42,41	96,99	44,63	104,72	83,89	90,84
	Trong đó:							
1	<b>Chương trình lâm nghiệp bền vững (ngân sách Trung ương)</b>							
1.1	<b>Nguồn vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017</b>							
(1)	Các Ban quản lý rừng phòng hộ							
-	<b>Kế hoạch (QĐ số 217/QĐ-UBND)</b>	5.372,45	1.338,41	1.794,60	599,63		990,64	649,17
+	Ngân sách trung ương	5.240,00	1.285,71	1.794,60	599,63		929,19	630,87
+	Ngân sách tỉnh	132,45	52,70				61,45	18,30
-	<b>Ước thực hiện</b>	5.197,77	1.312,27	1.794,60	451,08		990,64	649,17
+	Ngân sách trung ương	5.065,32	1.259,57	1.794,60	451,08		929,19	630,87
+	Ngân sách tỉnh	132,45	52,70				61,45	18,30
-	<b>So với Kế hoạch (%)</b>	96,75	98,05	100,00	75,23		100,00	100,00
1.2	<b>Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính (dự kiến giao kế hoạch)</b>	9.602,15	6.490,19	85,99	1.997,90	96,30	763,55	168,20
(1)	Các Ban quản lý rừng phòng hộ	2.297,93	1.739,39		558,54			
(2)	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	5.055,36	4.123,60				763,55	168,20
(3)	UBND các xã	2.248,86	627,20	85,99	1.439,36	96,30		

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Kết quả thực hiện chia theo huyện					
			Ba Tơ	Sơn Hà	Trà Bồng	Minh Long	Sơn Tây	Tây Trà
<b>2</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2017 (ngân sách Trung ương)</b>							
2.1	Các Ban quản lý rừng phòng hộ							
-	Kế hoạch (QĐ số 1046/QĐ-UBND)	15.453,00	2.389,00	5.659,00	1.697,00	2.091,00	2.520,00	1.097,00
-	Ước thực hiện	15.241,75	2.382,23	5.571,24	1.224,31	2.383,84	2.582,91	1.097,23
-	So với Kế hoạch (%)	98,63	99,72	98,45	72,15	114,00	102,50	100,02
2.2	UBND các xã							
-	Kế hoạch (QĐ số 1046/QĐ-UBND)	<b>1.502,63</b>		80,37	1.422,26			
-	Ước thực hiện	447,17		80,37	366,80			
-	So với Kế hoạch (%)	29,76		40,00	10,32			
<b>3</b>	<b>Chương trình bảo vệ và phát triển rừng (ngân sách tỉnh)</b>							
3.1	Các Ban quản lý rừng phòng hộ							
-	Kế hoạch (QĐ số 640/QĐ-UBND)	4.706,50	1.246,76	463,20	919,67	853,54	481,50	741,83
-	Ước thực hiện	4.364,43	1.167,86	393,87	919,67	800,46	415,98	666,61
-	So với Kế hoạch (%)	92,73	93,67	85,03	100,00	93,78	86,39	89,86
<b>II</b>	<b>Khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung cây lâm nghiệp</b>							
	<b>Tổng cộng</b>							
-	Kế hoạch	2.325,39	392,40	1.510,47			422,52	
+	Ngân sách trung ương	1.622,08	392,40	990,00			239,68	
+	Ngân sách tỉnh	703,31		520,47			182,84	
-	Ước thực hiện (thiết kế)	1.610,27		1.427,43			182,84	
+	Ngân sách trung ương	935,59		935,59				
+	Ngân sách tỉnh	674,68		491,84			182,84	
-	So với Kế hoạch (%)	69,25		94,50			43,27	
	Trong đó:							
<b>1</b>	<b>Chương trình lâm nghiệp bền vững (ngân sách Trung ương)</b>							
1.1	Nguồn vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017							
(1)	Các Ban quản lý rừng phòng hộ							
-	Kế hoạch (QĐ số 217/QĐ-UBND)	1.510,47		1.510,47				
+	Ngân sách trung ương	990,00		990,00				

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Kết quả thực hiện chia theo huyện					
			Ba Tư	Sơn Hà	Trà Bồng	Minh Long	Sơn Tây	Tây Trà
	+ Ngân sách tỉnh	520,47		520,47				
	- Ước thực hiện (thiết kế)	1.427,43		1.427,43				
	+ Ngân sách trung ương	935,59		935,59				
	+ Ngân sách tỉnh	491,84		491,84				
	- So với Kế hoạch (%)	94,50		94,50				
1.2	Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính (dự kiến giao kế hoạch)	632,08	392,40				239,68	
(1)	Các Ban quản lý rừng phòng hộ	632,08	392,40				239,68	
<b>2</b>	<b>Chương trình bảo vệ và phát triển rừng (ngân sách tỉnh)</b>							
2.1	Các Ban quản lý rừng phòng hộ							
	- Kế hoạch (QĐ số 640/QĐ-UBND)	182,84					182,84	
	- Ước thực hiện (thiết kế)	182,84					182,84	
	- So với Kế hoạch (%)	100,00					100,00	
<b>III</b>	<b>Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng</b>							
<b>1</b>	<b>Trồng rừng</b>							
	- Kế hoạch (QĐ số 640/QĐ-UBND)	1.555,23	1.045,98			509,25		
	- Ước thực hiện (thiết kế)	998,50	524,73			473,77		
	- So với Kế hoạch (%)	64,20	50,17			93,03		
<b>2</b>	<b>Chăm sóc rừng trồng</b>							
	- Kế hoạch (QĐ số 640/QĐ-UBND)	901,74	201,43	471,80	228,52			
	- Ước thực hiện (thiết kế)	901,02	201,41	471,09	228,52			
	- So với Kế hoạch (%)	99,92	99,99	99,85	100,00			

Phụ lục 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

TRÊN ĐỊA BÀN PHÒNG HỘ RỪNG MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo sơ bộ UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha

TT	Hạng mục	Kết quả thực hiện chia theo huyện							Ghi chú
		Tổng cộng	Sơn Hà	Trà Bồng	Minh Long	Sơn Tây	Tây Trà		
I	Khoản bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng								
	Tổng cộng								
-	Kế hoạch (QĐ số 217/QĐ-UBND)	91.723,29	28.022,50	20.183,99	16.730,96	8.110,85	11.753,92	6.921,07	
-	Ước thực hiện	64.653,53	12.536,70	19.549,02	7.896,70	8.453,22	9.924,16	6.293,73	
-	So với Kế hoạch (%)	70,49	44,74	96,85	47,20	104,22	84,43	90,94	
	Trong đó:								
1	Chương trình lâm nghiệp bền vững (ngân sách Trung ương)								
1.1	Nguồn vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017								
(1)	Các Ban quản lý rừng phòng hộ								
-	Kế hoạch (QĐ số 217/QĐ-UBND)	12.243,00	3.004,00	4.193,00	1.401,00		2.171,00	1.474,00	Theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015
-	Ước thực hiện	11.834,86	2.942,93	4.193,00	1.053,93		2.171,00	1.474,00	
-	So với Kế hoạch (%)	96,67	97,97	100,00	75,23		100,00	100,00	
1.2	Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính (dự kiến giao kế hoạch)	22.434,92	15.164,00	200,92	4.668,00	225,00	1.784,00	393,00	
(1)	Các Ban quản lý rừng phòng hộ	5.369,00	4.064,00		1.305,00				
(2)	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	11.811,58	9.634,58				1.784,00	393,00	
(3)	UBND các xã	5.254,34	1.465,42	200,92	3.363,00	225,00			
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2017 (ngân sách Trung ương)								
2.1	Các Ban quản lý rừng phòng hộ								



TT	Hạng mục	Tổng cộng	Kết quả thực hiện chia theo huyện						Ghi chú
			Ba Tư	Sơn Hà	Trà Bồng	Minh Long	Sơn Tây	Tây Trà	
-	Kế hoạch (QĐ số 1046/QĐ-UBND)	38.626,79	5.970,50	14.146,15	4.241,30	5.226,85	6.298,92	2.743,07	
-	Ước thực hiện	38.104,38	5.955,58	13.928,10	3.060,77	5.959,59	6.457,27	2.743,07	Theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008
-	So với Kế hoạch (%)	98,65	99,75	98,46	72,17	114,02	102,51	100,00	
2.2	UBND các xã								
-	Kế hoạch (QĐ số 1046/QĐ-UBND)	<b>3.756,58</b>		200,92	3.555,66				
-	Ước thực hiện	1.117,92		200,92	917,00				
-	So với Kế hoạch (%)	29,76		100,00	25,79				
3	<b>Chương trình bảo vệ và phát triển rừng (ngân sách tỉnh)</b>								
3.1	Các Ban quản lý rừng phòng hộ								
-	Kế hoạch (QĐ số 640/QĐ-UBND)	14.662,00	3.884,00	1.443,00	2.865,00	2.659,00	1.500,00	2.311,00	
-	Ước thực hiện	13.596,37	3.638,19	1.227,00	2.865,00	2.493,63	1.295,89	2.076,66	
-	So với Kế hoạch (%)	92,73	93,67	85,03	100,00	93,78	86,39	89,86	
II	<b>Khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung cây lâm nghiệp</b>								
	<b>Tổng cộng</b>								
-	Kế hoạch (QĐ số 217/QĐ-UBND)	1.017,51	229,21	578,30			210,00		
-	Ước thực hiện (thiết kế)	616,49		546,49			70,00		
-	So với Kế hoạch (%)	60,59		94,50			33,33		
	Trong đó:								
1	<b>Chương trình lâm nghiệp bền vững (ngân sách Trung ương)</b>								
1.1	Nguồn vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017								
(1)	Các Ban quản lý rừng phòng hộ								
-	Kế hoạch (QĐ số 217/QĐ-UBND)	<b>578,30</b>		<b>578,30</b>					
-	Ước thực hiện (thiết kế)	546,49		546,49					
-	So với Kế hoạch (%)	94,50		94,50					
1.2	Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính (dự kiến giao kế hoạch)	369,21	229,21				140,00		

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Kết quả thực hiện chia theo huyện					Ghi chú
			Ba Tư	Sơn Hà	Trà Bồng	Minh Long	Sơn Tây	
(1)	Các Ban quản lý rừng phòng hộ	369,21	229,21				140,00	
<b>2</b>	<b>Chương trình bảo vệ và phát triển rừng (ngân sách tỉnh)</b>						<b>70,00</b>	
2.1	Các Ban quản lý rừng phòng hộ							
-	Kế hoạch (QĐ số 640/QĐ-UBND)	70,00					70,00	
-	Ước thực hiện (thiết kế)	70,00					70,00	
-	So với Kế hoạch (%)	100,00					100,00	
<b>III</b>	<b>Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng</b>							
<b>1</b>	<b>Trồng rừng</b>							<b>Chương trình bảo vệ và phát triển rừng (ngân sách tỉnh)</b>
-	Kế hoạch (QĐ số 640/QĐ-UBND)	90,20	60,20			30,00		
-	Ước thực hiện (thiết kế)	58,11	30,20			27,91		
-	So với Kế hoạch (%)	64,42	50,17			93,03		
<b>2</b>	<b>Chăm sóc rừng trồng</b>							
-	Kế hoạch (QĐ số 640/QĐ-UBND)	156,10	35,00	82,70	38,40			
-	Ước thực hiện (thiết kế)	156,09	35,00	82,70	38,39			
-	So với Kế hoạch (%)	99,99	100,00	100,00	99,97			